



Tiền Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần dược thú y Cai Lay thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dược Thú y Cai Lay

- Mã chứng khoán : MKV

- Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733710769 Fax: 02733826363

- Email: info@cailayvetco.com; Website: www.cailayvetco.com.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối

với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Lương.

Ông Đỗ Văn Tài được Ông Đào Mạnh Lương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 01/2024/UQ-CTHĐQT-MKV ngày 1 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12608295/E-66920209

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2020-004-1



Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.942.859.566	64.911.917.328
110	I. Tiền	4	9.191.736.471	4.177.245.011
111	1. Tiền		9.191.736.471	4.177.245.011
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	6.000.000.000	6.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.106.484.040	25.093.746.293
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	32.951.813.586	23.406.474.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	1.515.539.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	154.670.454	171.733.223
140	IV. Hàng tồn kho	8	12.989.882.445	28.663.187.241
141	1. Hàng tồn kho		12.989.882.445	28.672.648.111
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(9.460.870)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		654.756.610	977.738.783
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	560.719.824	832.167.985
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	94.036.786	145.570.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		36.383.122.954	41.131.791.195
220	I. Tài sản cố định		34.359.037.259	40.312.089.646
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	34.359.037.259	40.312.089.646
222	Nguyên giá		102.093.300.169	101.493.667.169
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(67.734.262.910)	(61.181.577.523)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(260.000.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	233.282.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	233.282.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.024.085.695	586.419.549
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	808.526.222	586.419.549
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	1.215.559.473	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		98.325.982.520	106.043.708.523

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

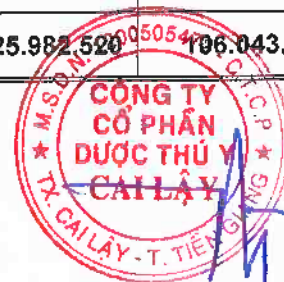
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.504.358.777	32.423.552.682
310	I. Nợ ngắn hạn		18.504.358.777	30.923.552.682
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.829.330.491	5.723.103.364
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		180.290.512	22.503.151
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.777.853.788	217.890.136
314	4. Phải trả người lao động		1.124.917.100	1.177.967.599
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	10.582.348.443	5.344.517.951
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	46.849.524	70.286.650
320	7. Vay ngắn hạn	15	-	18.404.514.912
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
330	II. Nợ dài hạn		-	1.500.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	-	1.500.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		79.821.623.743	73.620.155.841
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	79.821.623.743	73.620.155.841
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.751.760.619	23.550.292.717
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.550.292.717	17.646.242.213
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		6.201.467.902	5.904.050.504
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		98.325.982.520	106.043.708.523

Nguyễn Hồng Thế

Nguyễn Hồng Thế
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	121.146.538.776	125.005.867.414
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(10.241.029.677)	(5.372.019.315)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	110.905.509.099	119.633.848.099
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(78.673.987.168)	(86.605.327.402)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.231.521.931	33.028.520.697
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	298.015.722	247.487.149
22	7. Chi phí tài chính	19	(3.426.637.326)	(4.591.917.907)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(481.411.626)	(1.181.627.190)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(14.271.148.758)	(13.891.165.277)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(7.267.753.047)	(7.194.924.648)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.563.998.522	7.598.000.014
31	11. Thu nhập khác		187.905.319	12.850.230
32	12. Chi phí khác		(55.171)	(109.217.174)
40	13. Lỗ khác		187.850.148	(96.366.944)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.751.848.670	7.501.633.070
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(2.765.940.241)	(1.597.582.566)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	1.215.559.473	-
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		6.201.467.902	5.904.050.504
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24	1.240	1.181
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24	1.240	1.181



Nguyễn Hồng Thế
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng





Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.751.848.670	7.501.633.070
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao vào hao mòn	9	7.170.793.387	7.816.165.936
03	Hoàn nhập dự phòng	8	(9.460.870)	(360.696.844)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(467.330.190)	(196.350.309)
06	Chi phí lãi vay	19	481.411.626	1.181.627.190
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.927.262.623	15.942.379.043
09	Tăng các khoản phải thu		(8.041.678.562)	(3.843.633.906)
10	Giảm hàng tồn kho		15.682.765.666	450.628.841
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		4.650.197.014	(2.470.803.998)
12	Giảm chi phí trả trước		49.341.488	145.923.999
14	Tiền lãi vay đã trả		(577.221.498)	(1.156.777.691)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.300.000.000)	(1.475.412.516)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.390.666.731	7.592.303.772
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(984.459.000)	(561.051.500)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		181.818.182	-
27	Thu lãi tiền gửi		330.980.459	178.796.818
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(471.660.359)	(382.254.682)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	9.087.005.320	50.132.759.580
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(27.491.520.232)	(56.234.856.616)
36	Cổ tức đã trả	14	(1.500.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(19.904.514.912)	(6.102.097.036)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

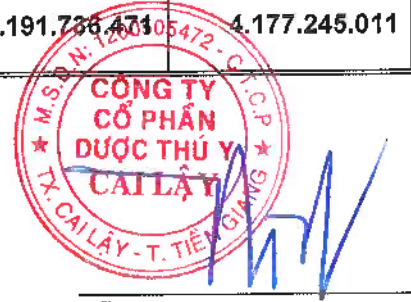
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.014.491.460	1.107.952.054
60	Tiền đầu năm		4.177.245.011	3.069.292.957
70	Tiền cuối năm	4	9.191.736.471	4.177.245.011



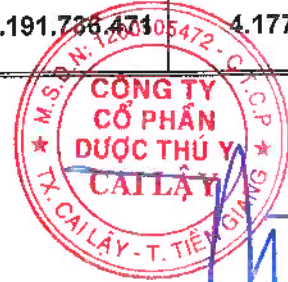
Nguyễn Hồng Thế
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc



Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 108 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 117 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1200
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 DƯỢC
 THÚ Y
 CAI LẬY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	255.203.262	209.961.479
Tiền gửi ngân hàng	8.936.533.209	3.967.283.532
TỔNG CỘNG	9.191.736.471	4.177.245.011

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc năm (5) tháng và hưởng lãi suất 3%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn nhằm đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	32.951.813.586	23.395.474.070
- Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang	26.390.338.593	18.412.050.727
- Khác	6.561.474.993	4.983.423.343
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	11.000.000
TỔNG CỘNG	<u>32.951.813.586</u>	<u>23.406.474.070</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	115.527.854	112.292.172
Khác	39.142.600	59.441.051
TỔNG CỘNG	<u>154.670.454</u>	<u>171.733.223</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	135.200.454	171.733.223
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	19.470.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.365.827.235	-	22.385.916.030	-
Thành phẩm	3.973.073.913	-	5.854.907.834	(9.460.870)
Hàng đi đường	453.816.500	-	-	-
Hàng hoá	197.164.797	-	431.824.247	-
TỔNG CỘNG	12.989.882.445	-	28.672.648.111	(9.460.870)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	(9.460.870)	(370.157.714)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	9.460.870	360.696.844
Số cuối năm	-	(9.460.870)

054
 G T
 H A
 T H
 L A
 T. T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	36.887.812.125	59.983.186.593	4.622.668.451	101.493.667.169
Mua trong năm	-	984.459.000	-	984.459.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	233.282.000	-	233.282.000
Thanh lý	-	-	(618.108.000)	(618.108.000)
Số cuối năm	36.887.812.125	61.200.927.593	4.004.560.451	102.093.300.169
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	1.634.933.919	32.154.187.694	4.004.560.451	37.793.682.064
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(11.972.982.590)	(44.659.590.375)	(4.549.004.558)	(61.181.577.523)
Khấu hao trong năm	(1.566.814.867)	(5.530.314.627)	(73.663.893)	(7.170.793.387)
Thanh lý	-	-	618.108.000	618.108.000
Số cuối năm	(13.539.797.457)	(50.189.905.002)	(4.004.560.451)	(67.734.262.910)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	24.914.829.535	15.323.596.218	73.663.893	40.312.089.646
Số cuối năm	23.348.014.668	11.011.022.591	-	34.359.037.259

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy của Công ty cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Mavin Ausfeed, công ty đồng chủ sở hữu với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	560.719.824	832.167.985
Chi phí bảo hiểm	215.734.439	157.657.256
Chi phí sửa chữa, bảo trì	28.735.311	267.621.403
Công cụ, dụng cụ	60.993.252	77.812.083
Khác	255.256.822	329.077.243
Dài hạn	808.526.222	586.419.549
Chi phí sửa chữa	630.736.514	366.860.869
Công cụ, dụng cụ	47.120.452	36.034.467
Khác	130.669.256	183.524.213
TỔNG CỘNG	1.369.246.046	1.418.587.534

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	4.204.330.491	2.515.103.364
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	1.252.299.931	718.349.673
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	459.649.922	55.800.031
- Công ty TNHH Ruby	255.040.000	181.500.000
- Khác	2.237.340.638	1.559.453.660
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	625.000.000	3.208.000.000
TỔNG CỘNG	4.829.330.491	5.723.103.364

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu	145.570.798	3.520.388.331	(3.571.922.343)	94.036.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.006.376	-	(35.006.376)	-
Thuế giá trị gia tăng	30.438.561	3.390.921.840	(3.390.921.840)	30.438.561
Phí, lệ phí và các khoản khác	25.033.737	-	-	25.033.737
Tiền thuê đất	55.092.124	129.466.491	(145.994.127)	38.564.488
Phải nộp	217.890.136	10.438.120.375	(8.878.156.723)	1.777.853.788
Thuế giá trị gia tăng	200.084.532	7.238.902.881	(7.105.398.841)	333.588.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.730.933.865	(1.300.000.000)	1.430.933.865
Thuế thu nhập cá nhân	17.805.604	468.283.629	(472.757.882)	13.331.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu phải trả	9.354.532.239	3.728.081.534
Lương tháng 13	745.325.007	883.396.342
Thù lao Hội đồng Quản trị	144.000.000	149.000.000
Khác	338.491.197	584.040.075
TỔNG CỘNG	<u>10.582.348.443</u>	<u>5.344.517.951</u>

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	46.849.524	70.286.650
Kinh phí công đoàn	16.704.060	43.786.650
Khác	30.145.464	26.500.000
Dài hạn	-	1.500.000.000
Cổ tức phải trả	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>46.849.524</u>	<u>1.570.286.650</u>

15. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>18.404.514.912</u>	<u>9.087.005.320</u>	<u>(27.491.520.232)</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	17.646.242.213	67.716.105.337
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.904.050.504	5.904.050.504
Số cuối năm	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>23.550.292.717</u>	<u>73.620.155.841</u>
Năm nay					
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	23.550.292.717	73.620.155.841
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.201.467.902	6.201.467.902
Số cuối năm	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>29.751.760.619</u>	<u>79.821.623.743</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.038</i>	<i>5.000.038</i>
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38</i>	<i>38</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu gộp	121.146.538.776	125.005.867.414
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	<i>121.048.538.776</i>	<i>124.877.617.414</i>
<i>Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển</i>	<i>98.000.000</i>	<i>128.250.000</i>
Giảm trừ	(10.241.029.677)	(5.372.019.315)
Chiết khấu thương mại	(9.788.674.860)	(5.239.910.442)
Hàng bán bị trả lại	(452.354.817)	(132.108.873)
Doanh thu thuần	110.905.509.099	119.633.848.099
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	<i>110.807.509.099</i>	<i>119.505.598.099</i>
<i>Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển</i>	<i>98.000.000</i>	<i>128.250.000</i>

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	285.512.008	196.350.309
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.503.714	51.136.840
TỔNG CỘNG	298.015.722	247.487.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	78.669.345.168	86.565.025.963
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	4.642.000	40.301.439
TỔNG CỘNG	<u>78.673.987.168</u>	<u>86.605.327.402</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	2.941.726.500	3.342.030.767
Chi phí lãi vay	481.411.626	1.181.627.190
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.499.200	68.259.950
TỔNG CỘNG	<u>3.426.637.326</u>	<u>4.591.917.907</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	14.271.148.758	13.891.165.277
Chi phí nhân viên	5.805.070.680	6.320.192.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.314.732	3.867.621.182
Chi phí khấu hao	73.663.893	310.886.297
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.366.829	33.380.591
Khác	4.950.732.624	3.359.084.655
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.267.753.047	7.194.924.648
Chi phí nhân viên	3.232.202.443	3.325.212.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.561.899.810	3.311.752.375
Chi phí công cụ, dụng cụ	85.127.220	186.796.804
Chi phí khấu hao	5.700.000	5.700.000
Chi phí khác	382.823.574	365.462.956
TỔNG CỘNG	<u>21.538.901.805</u>	<u>21.086.089.925</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	61.011.105.251	65.845.011.890
Chi phí nhân viên	16.360.999.301	17.697.217.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.574.348.908	9.435.088.523
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	7.170.793.387	7.816.165.936
Chi phí khác	6.171.329.607	4.748.734.727
TỔNG CỘNG	<u>100.288.576.454</u>	<u>105.542.218.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN trong năm	2.765.940.241	1.522.170.050
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	75.412.516
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.215.559.473)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.550.380.768</u>	<u>1.597.582.566</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>7.751.848.670</u>	<u>7.501.633.070</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.550.369.734	1.500.326.614
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.034	21.843.436
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	75.412.516
Chi phí thuế TNDN	<u>1.550.380.768</u>	<u>1.597.582.566</u>

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trích trước chiết khấu thương mại	1.215.559.473	-	1.215.559.473	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.215.559.473	-		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			1.215.559.473	-

VND

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Mavin Duckfarm	Cùng thành viên chủ chốt
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Sử dụng dịch vụ Chi hộ	2.500.000.000 28.974.000	2.200.000.000 -
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	-	34.448.106

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Marvin	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	11.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Sử dụng dịch vụ	19.470.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Sử dụng dịch vụ	625.000.000	3.208.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HDQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HDQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên HDQT (từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022)	-	8.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HDQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HDQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên HDQT (từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022)	-	8.000.000
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc	807.850.000	817.334.561
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc	489.040.000	477.604.049
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	231.776.095	230.799.557
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	190.836.277	197.550.460
TỔNG CỘNG		1.827.502.372	1.847.288.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.201.467.902	5.904.050.504
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.240	1.181
- Lãi suy giảm	1.240	1.181

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	165.276.371	165.276.371
Từ 2 năm đến 5 năm	661.105.482	661.105.484
Trên 5 năm	2.323.105.836	2.621.172.500
TỔNG CỘNG	3.149.487.689	3.447.554.355

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 90.000.000 VND.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Hồng Thế
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng





Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024